



**Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP
Ngoại thương Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

0104000069

0104000069

ngày 24 tháng 4 năm 2002

ngày 13 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu và giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy phép Kinh doanh

Chứng khoán số

09/GPHDKD

192/UBCK-GPDC

ngày 24 tháng 4 năm 2002

ngày 27 tháng 2 năm 2009

Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán lần đầu và giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Phạm Quang Dũng

Bà Hoàng Diễm Thùy

Ông Ngô Quang Trung

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ngô Quang Trung

Ông Trần Việt Anh

Ông Mai Trung Dũng

Ông Lê Việt Hà

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Tầng 17, Tòa nhà Vietcombank

198 Trần Quang Khải

Quận Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 1, Tòa nhà Green Star

70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Đà Nẵng	Tầng 2, Tòa nhà Tổng Công ty Du lịch Hà Nội 10 đường Hải Phòng, Quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	Tầng trệt, Tòa nhà Bưu điện, Số 2 Đại lộ Hòa Bình, Quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	Tầng trệt, Tòa nhà Vietcombank 27 Lê Lợi, Thành phố Vũng Tàu Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Bình Dương	Tầng trệt, Tòa nhà Vietcombank Bình Dương 314 Đại lộ Bình Dương, Thị xã Thủ Dầu Một Tỉnh Bình Dương, Việt Nam (đến ngày 9 tháng 1 năm 2012)
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam



3

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		916.162.651	3.008.907.156
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	722.940.882	2.653.284.781
Tiền	111		457.940.882	2.338.284.781
Các khoản tương đương tiền	112		265.000.000	315.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	128.281.160	307.676.532
Đầu tư ngắn hạn	121		128.683.585	315.417.392
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(402.425)	(7.740.860)
III. Các khoản phải thu - ngắn hạn	130	6	61.081.851	41.297.230
Phải thu khách hàng	131		548.149	1.699.148
Trả trước cho người bán	132		946.674	608.656
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		43.477.586	11.533.813
Các khoản phải thu khác	138		16.109.442	27.455.613
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.858.758	6.648.613
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	2.967.978	3.034.988
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước	154		-	3.368.741
Tài sản ngắn hạn khác	158		890.780	244.884
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		414.094.692	182.857.309
II. Tài sản cố định	220		2.908.380	4.125.793
Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.908.380	4.110.305
Nguyên giá	222		31.960.938	31.748.087
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.052.558)	(27.637.782)
Tài sản cố định vô hình	227	9	-	15.488
Nguyên giá	228		2.173.140	2.173.140
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.173.140)	(2.157.652)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	389.500.947	157.410.053
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		424.032.605	183.252.386
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		423.958.382	183.178.163
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		74.223	74.223
Đầu tư dài hạn khác	258		-	13.440.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(34.531.658)	(39.282.333)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
V. Tài sản dài hạn khác	260		21.685.365	21.321.463
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	942.558	1.105.674
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	11	17.903.425	16.854.314
Tài sản dài hạn khác	268	12	2.839.382	3.361.475
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.330.257.343	3.191.764.465
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		467.552.634	2.356.260.756
I. Nợ ngắn hạn	310		467.304.061	2.355.976.146
Phải trả người bán	312		54.684	117.560
Người mua trả tiền trước	313		375.277	315.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	5.940.389	1.080.334
Phải trả người lao động	315		7.708.026	12.459.055
Chi phí phải trả	316		-	56.856
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	14	1.146.933	905.070
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	321	15	24.421.823	12.998.502
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.484.025	5.981.175
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	16	426.172.904	2.322.062.594
II. Nợ dài hạn	330		248.573	284.610
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		248.573	284.610
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		862.704.709	835.503.709
I. Vốn chủ sở hữu	410		862.704.709	835.503.709
Vốn điều lệ	411	17	700.000.000	700.000.000
Vốn khác	413		914.795	914.795
Quỹ đầu tư và phát triển	417		30.762.096	30.762.096
Quỹ dự phòng tài chính	418	18	24.637.237	24.637.237
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419	18	4.568.345	4.568.345
Lợi nhuận chưa phân phối	420		101.822.236	74.621.236
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.330.257.343	3.191.764.465

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã số	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
6. Chứng khoán lưu ký	006	8.475.232.200	8.966.112.670
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	8.107.823.120	8.649.202.180
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	480.720	6.622.290
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	7.442.400.590	6.881.220.350
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	664.941.810	1.761.359.540
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	199.879.690	225.849.600
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	192.679.690	218.649.600
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	7.200.000	7.200.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	70.455.990	37.263.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	70.391.000	37.253.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	64.990	10.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	45.004.890	53.797.890
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	420	200
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	44.872.110	53.478.570
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	132.360	319.120
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	52.068.510	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	52.068.510	-

Người lập:



Lê Thu Hiền
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Bích Tuyên
Kế toán trưởng




Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000
Doanh thu	01		96.302.438	71.874.894
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		31.729.388	13.977.040
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2		35.724.784	7.037.194
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		6.002.386	450.000
Doanh thu từ đại lý phát hành chứng khoán	01.4		1.133.864	5.262
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	725.164
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		116.020	90.000
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		1.476	-
Doanh thu khác	01.9	19	21.594.520	49.590.234
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		96.302.438	71.874.894
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	20	(28.625.645)	(34.483.888)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		67.676.793	37.391.006
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	(32.261.271)	(35.481.932)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.415.522	1.909.074
Thu nhập khác	31		67.363	2.312.386
Chi phí khác	32		(536)	(11.424)
Lợi nhuận trước thuế	50		35.482.349	4.210.036
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	(8.281.349)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	-	-
Lợi nhuận thuần	60		27.201.000	4.210.036

Người lập:



Lê Thu Hiền
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Bích Tuyên
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Vốn điều lệ VND'000	Vốn khác VND'000	Quỹ đầu tư và phát triển VND'000	Quỹ dự phòng tài chính VND'000	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	700.000.000	914.795	30.762.096	24.637.237	4.568.345	74.621.236	835.503.709
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	27.201.000	27.201.000
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	700.000.000	914.795	30.762.096	24.637.237	4.568.345	101.822.236	862.704.709

	Vốn điều lệ VND'000	Vốn khác VND'000	Quỹ đầu tư và phát triển VND'000	Quỹ dự phòng tài chính VND'000	Quỹ dự trữ bổ sung vào vốn điều lệ VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	700.000.000	914.795	30.762.096	24.094.828	4.025.936	64.887.864	824.685.519
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	4.210.036	4.210.036
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	700.000.000	914.795	30.762.096	24.094.828	4.025.936	69.097.900	828.895.555

Người lập:


 Lê Thu Hiền
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Lê Thị Bích Tuyên
 Kế toán trưởng


 Lê Việt Hà
 Phó Giám đốc



Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	35.482.349	4.210.036
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.430.264	2.599.433
Các khoản dự phòng	03	(7.338.435)	13.868.730
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	3.788.824	(1.979.158)
Thu nhập tiền lãi	05	(40.585.300)	(51.336.562)
Chi phí lãi vay	06	-	1.548.611
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(7.222.298)	(31.088.910)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	1.759.176	17.811.197
Biến động các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	10	(31.701.910)	9.754.544
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(1.888.746.408)	(851.662.254)
Biến động các khoản chi phí trả trước và ký quỹ	12	(296.892)	(1.115.640)
		(1.926.208.332)	(856.301.063)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(1.548.611)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(298.478)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.497.150)	(30.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.931.003.960)	(857.879.674)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(212.851)	(220.020)
Tiền chi mua các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	23	(699.912.213)	(97.394.772)
Tiền thu từ bán các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	24	660.830.060	44.255.904
Tiền chi cho các khoản cho vay ngắn hạn	25	(22.000.000)	(45.000.000)
Tiền thu hồi từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	26	10.240.000	-
Tiền lãi nhận được	27	50.018.823	40.887.750
Tiền cổ tức nhận được	27	1.696.242	4.745.824
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	50	660.061	(52.725.314)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012
(tiếp theo)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	60	(1.930.343.899)	(910.604.988)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	61	2.653.284.781	1.692.864.753
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (Thuyết minh số 3)	70	722.940.882	782.259.765

Người lập:



Lê Thu Hiền
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Bích Tuyên
Kế toán trưởng




Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam và là công ty con được sở hữu bởi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”), một ngân hàng được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán và dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có 199 nhân viên (31/12/2011: 198 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trình bày bằng Đồng Việt Nam được làm tròn đến hàng nghìn gần nhất (“VND’000”), được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này đồng nhất với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) - *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(d) Trình bày các công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về việc trình bày và thuyết minh thông tin về các công cụ tài chính (“Thông tư 210”)

Công ty phân loại công cụ tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu là tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu phù hợp với bản chất và định nghĩa của các công cụ tài chính tại Thông tư 210 như sau:

(i) Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính Công ty dự định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại vào nhóm tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và phải thu;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm:

Các khoản cho vay và phải thu

- Tiền và các khoản tương đương tiền;
- Phải thu khách hàng;
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Các khoản cho vay ngắn hạn;
- Các khoản phải thu khác;
- Các tài sản ngắn hạn khác;
- Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán; và
- Các tài sản tài chính dài hạn khác.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Chứng khoán kinh doanh

Tài sản sẵn sàng để bán

- Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính được phân loại thành một trong các loại sau:

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm:

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

- Phải trả người bán;
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Các khoản nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác; và
- Dự phòng trợ cấp thôi việc.

(e) *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(f) Chứng khoán thương mại, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán vốn và các chứng khoán nợ chưa niêm yết được nắm giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào (chứng khoán sẵn sàng để bán).

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ với khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định khi Ban Giám đốc Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty với ít hơn 20% quyền biểu quyết và dự định nắm giữ trong thời gian hơn một năm mặc dù thời gian nắm giữ thực tế có thể dài hơn hoặc ngắn hơn tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh sau ngày góp vốn của đơn vị nhận đầu tư, và các điều kiện khác.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại, các chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc xác định giá trị của khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét nguyên giá, điều kiện của thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và dòng tiền dự kiến.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày theo nguyên giá. Các khoản phụ trội hoặc chiết khấu phát sinh từ việc mua chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo nguyên giá. Các khoản phụ trội hoặc chiết khấu phát sinh từ việc mua chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khoản dự phòng giảm giá các khoản đầu tư. Khoản dự phòng giảm giá được xác định bằng cách tham khảo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân và nguyên giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(g) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty ủy thác cho bên thứ ba để thay mặt Công ty đầu tư vào các chứng khoán theo các điều khoản trong hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản được mua theo các thỏa thuận này được hạch toán theo các chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh số 2(d), (e), (f) và Thuyết minh số 2(q) - (ii) và (v).

Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------------------|-------|
| • phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| • đồ đạc và trang thiết bị văn phòng | 3 năm |

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm đồng phục, công cụ và dụng cụ và chi phí nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Vốn điều lệ và vốn khác

Vốn điều lệ và vốn khác được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(p) Các quỹ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là bổ sung vào vốn điều lệ.

Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vào vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư và phát triển và quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Các quỹ này được Ban Giám đốc đề xuất, Hội đồng Thành viên xem xét và chủ sở hữu của Công ty phê duyệt.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(q) Doanh thu

(i) *Doanh thu môi giới chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) *Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) *Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành các giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên công việc đã thực hiện.

(iv) *Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn*

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng, các khoản tạm ứng cho khách hàng để kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(v) *Doanh thu từ cổ tức*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

(r) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(t) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(u) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh liên quan của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(w) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tiền gửi ngân hàng	457.940.882	2.338.284.781
Các khoản tương đương tiền	265.000.000	315.000.000
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	442.331.265	324.058.020
	722.940.882	2.653.284.781

Tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm các khoản tiền có gốc ngoại tệ khác VND tương đương là 299 triệu VND (31/12/2011: 324 triệu VND).

4. Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch		Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000
a) Của Công ty	12.019.426	4.539.520	898.973.372	162.746.476
Cổ phiếu	4.334.626	3.639.520	79.684.645	73.961.476
Trái phiếu	7.684.800	900.000	819.288.727	88.785.000
b) Của nhà đầu tư/ khách hàng	968.982.113	312.586.690	20.322.497.002	9.966.423.955
Cổ phiếu	871.594.091	258.335.200	10.545.945.009	4.554.936.645
Trái phiếu	92.154.812	51.598.860	9.744.260.533	5.390.697.387
Chứng khoán khác	5.233.210	2.652.630	32.291.460	20.789.923
	981.001.539	317.126.210	21.221.470.374	10.129.170.431

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Các khoản đầu tư ngắn hạn:		
Chứng khoán thương mại	106.683.585	315.417.392
• <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	603.585	11.337.142
• <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	106.080.000	106.080.000
• <i>Trái phiếu</i>	-	198.000.250
Các khoản cho vay ngắn hạn	22.000.000	-
	128.683.585	315.417.392
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(402.425)	(7.740.860)
	128.281.160	307.676.532
	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Các khoản đầu tư dài hạn		
Chứng khoán đầu tư dài hạn	424.032.605	183.252.386
Chứng khoán sẵn sàng để bán	423.958.382	183.178.163
• <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	125.100.384	125.100.384
• <i>Trái phiếu</i>	298.857.998	58.077.779
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	74.223	74.223
• <i>Trái phiếu</i>	74.223	74.223
Đầu tư dài hạn khác	-	13.440.000
	424.032.605	196.692.386
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(34.531.658)	(39.282.333)
	389.500.947	157.410.053

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản đầu tư bị giảm giá do Công ty nắm giữ tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Mô tả	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Giá trị theo giá thị trường	
	Số dư cuối kỳ Cổ phiếu	Số dư đầu kỳ Cổ phiếu	Số dư cuối kỳ VND'000	Số dư đầu kỳ VND'000	Tăng	Số dư cuối kỳ VND'000	Số dư đầu kỳ VND'000	Số dư cuối kỳ VND'000	Số dư đầu kỳ VND'000	Số dư cuối kỳ VND'000
I. Chứng khoán thương mại	44.406	550.746	547.975	11.138.403	163	-	(402.425)	(7.740.860)	145.613	3.397.543
Cổ phiếu niêm yết	44.406	550.746	547.975	11.138.403	163	-	(402.425)	(7.740.860)	145.613	3.397.543
ACB	96	18.271	2.304	506.921	163	-	-	(112.267)	2.467	394.654
HMC	-	5.000	-	102.719	-	-	-	(58.719)	-	44.000
IMT	32.550	32.550	341.775	341.775	-	-	(276.675)	(253.890)	65.100	87.885
KLS	8	5.991	105	112.786	-	-	(28)	(65.457)	77	47.329
PLC	95	9.550	2.030	214.664	-	-	(311)	(80.009)	1.719	134.655
PTP	80	31.080	1.540	598.290	-	-	(1.228)	(495.726)	312	102.564
PVC	32	4.942	589	115.488	-	-	(118)	(56.184)	471	59.304
PVI	123	6.362	2.157	144.646	-	-	(53)	(26.949)	2.104	117.697
PVS	43	7.979	684	190.738	-	-	(21)	(69.458)	663	121.280
SD9	159	8.369	1.605	243.172	-	-	(158)	(192.958)	1.447	50.214
VC2	48	2.195	1.730	109.879	-	-	(1.154)	(79.149)	576	30.730
VSP	87	4.612	629	152.003	-	-	(472)	(128.943)	157	23.060
VOS	-	290.000	-	5.539.000	-	-	-	(4.350.000)	-	1.189.000
Khác	11.085	123.845	192.827	2.766.322	-	-	(122.207)	(1.771.151)	70.520	995.171

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mô tả	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá trị tăng (Giảm)				Giá trị theo giá trị tăng	
	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
II. Chứng khoán đầu tư dài hạn										
6.370.807	6.690.807	89.456.194	102.896.194	-	-	(34.531.658)	(39.282.333)	54.924.536	63.613.861	
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán										
6.370.807	6.370.807	89.456.194	89.456.194	-	-	(34.531.658)	(34.531.658)	54.924.536	54.924.536	
Cổ phiếu chưa niêm yết										
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam	2.330.242	2.330.242	44.374.394	44.374.394	-	-	(25.732.458)	18.641.936	18.641.936	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	3.958.080	3.958.080	43.570.800	43.570.800	-	-	(7.948.080)	35.622.720	35.622.720	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	82.485	82.485	1.511.000	1.511.000	-	-	(851.120)	659.880	659.880	
III. Đầu tư dài hạn khác										
Công ty Cổ phần Truyền thông và Ứng dụng Công nghệ Thông tin FBNC	-	320.000	-	13.440.000	-	-	(4.750.675)	-	8.689.325	

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Năm kết thúc 31/12/2011 VND'000
Số dư đầu kỳ/năm	7.740.860	3.648.633
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	4.092.227
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(7.338.435)	-
Số dư cuối kỳ/năm	402.425	7.740.860

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Năm kết thúc 31/12/2011 VND'000
Số dư đầu kỳ/năm	39.282.333	32.664.071
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	6.618.262
Dự phòng sử dụng trong kỳ/năm	(4.750.675)	-
Số dư cuối kỳ/năm	34.531.658	39.282.333

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm:

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i)	15.667.903	11.533.813
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (ii)	27.809.683	-
	43.477.586	11.533.813

- (i) Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán được hưởng lãi suất ngày là 0,047% và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 3 ngày.
- (ii) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ. Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc 90 ngày và hưởng lãi suất ngày là 0,048% trong kỳ. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì cho các giao dịch ký quỹ lần lượt là 60% và 40%.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	283.750	1.929.444
Lãi phải thu từ trái phiếu	9.380.208	19.709.886
Lãi phải thu từ các khoản cho vay ngắn hạn	1.853.425	-
Các khoản phải thu liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư (i)	822.746	913.068
Phải thu khác	3.769.313	4.903.215
	16.109.442	27.455.613

(i) Chi tiết của các khoản phải thu liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư như sau:

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	913.068	922.745
Trừ		
Phí phải trả	(90.322)	(9.677)
	822.746	913.068

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tiền thuê văn phòng trả trước	2.032.142	2.159.814
Chi phí trả trước khác	935.836	875.174
	2.967.978	3.034.988

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VND'000	Đồ đạc và trang thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	4.540.060	27.208.027	31.748.087
Tăng trong kỳ	-	212.851	212.851
Số dư cuối kỳ	4.540.060	27.420.878	31.960.938
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.910.393	23.727.389	27.637.782
Khấu hao trong kỳ	192.852	1.221.924	1.414.776
Số dư cuối kỳ	4.103.245	24.949.313	29.052.558
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	629.667	3.480.638	4.110.305
Số dư cuối kỳ	436.815	2.471.565	2.908.380

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 24.551 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (31/12/2011: 13.557 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND'000
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	2.173.140
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.157.652
Phân bổ trong kỳ	15.488
Số dư cuối kỳ	2.173.140
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	15.488
Số dư cuối kỳ	-

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 2.173 triệu VND đã được phân bổ hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (31/12/2011: Không), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Năm kết thúc 31/12/2011 VND'000
Số dư đầu kỳ/năm	1.105.674	1.668.152
Tăng trong kỳ/năm	197.625	269.805
Phân bổ trong kỳ/năm	(360.741)	(832.283)
Số dư cuối kỳ/năm	942.558	1.105.674

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

11. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	17.903.425	16.854.314

Theo các Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Năm kết thúc 31/12/2011 VND'000
Số dư đầu kỳ/năm	16.854.314	13.835.354
Tiền nộp bổ sung trong kỳ/năm	1.049.111	1.568.071
Tiền lãi trong kỳ/năm	-	1.450.889
Số dư cuối kỳ/năm	17.903.425	16.854.314

12. Tài sản dài hạn khác

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tiền ký quỹ thuê văn phòng	2.839.382	3.361.475

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Thuế thu nhập cá nhân	1.042.347	751.427
Thuế giá trị gia tăng	66.156	236.868
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.614.130	-
Các loại thuế khác	217.756	92.039
	5.940.389	1.080.334

14. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Phải trả cho các Sở Giao dịch Chứng khoán	265.530	228.614
Phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	421.443	449.823
Phí phải trả cho giao dịch chứng khoán	459.960	221.916
Phải trả khác	-	4.717
	1.146.933	905.070

15. Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu chủ yếu liên quan đến khoản cổ tức phải trả hộ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) đối với các cổ đông của Vietcombank vì Công ty chịu trách nhiệm quản lý danh mục cổ đông của Vietcombank trước khi cổ phiếu của Vietcombank được niêm yết.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	415.313.216	311.392.777
Tạm ứng từ các tổ chức tín dụng theo hợp đồng môi giới chứng khoán (i)	-	2.000.000.000
Các khoản phải trả kinh phí công đoàn và bảo hiểm	875.288	-
Khác	9.984.400	10.669.817
	426.172.904	2.322.062.594

- (i) Tạm ứng từ các tổ chức tín dụng theo hợp đồng môi giới chứng khoán phản ánh các hợp đồng mà theo đó Công ty cần phải mua các chứng khoán được qui định trong hợp đồng cho các tổ chức tín dụng.

17. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	Được duyệt và đã góp	
	VND'000	%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	700.000.000	100%

Công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

18. Các quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Công ty được yêu cầu trích lập các quỹ dự trữ pháp định hàng năm. Công ty không trích lập các quỹ dự trữ pháp định này cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 vì Công ty sẽ trích lập các quỹ dự trữ pháp định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

19. Doanh thu khác

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000
Thu nhập lãi từ tiền gửi tại các ngân hàng	16.281.616	48.199.923
Thu nhập lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	320.557	-
Khoản phí từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	3.034.588	1.175.549
Thu nhập lãi từ các khoản cho vay ngắn hạn	1.853.425	-
Khác	104.334	214.762
	21.594.520	49.590.234

20. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000
Phí môi giới chứng khoán	5.745.692	2.493.018
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại	(7.338.435)	13.868.730
Lỗ từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	17.383.906	3.096.946
Chi phí lưu ký chứng khoán	2.570.169	2.099.567
Chi phí đại lý bảo lãnh và phát hành	1.313	181.313
Chi phí nhân viên trực tiếp	9.391.101	10.626.526
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	493.596	479.134
Chi phí liên quan đến các hợp đồng ủy thác đầu tư	90.322	90.043
Chi phí lãi cho các khoản tạm ứng của các tổ chức tín dụng theo hợp đồng môi giới chứng khoán	-	1.548.611
Khác	287.981	-
	28.625.645	34.483.888

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000
Chi phí nhân viên	13.935.258	14.162.629
Chi phí thuê văn phòng	8.717.946	9.309.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.045.772	5.507.994
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	936.668	2.120.299
Thuế và lệ phí	101.501	112.698
Chi phí khác	3.524.126	4.268.992
	32.261.271	35.481.932

22. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	8.281.349	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-
	8.281.349	-

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000
Lợi nhuận trước thuế	35.482.349	4.210.036
Thuế theo thuế suất của Công ty	8.870.587	842.007
Thu nhập được miễn thuế	(589.238)	(842.007)
	8.281.349	-

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập tính trên lợi nhuận tính thuế với thuế suất 10% từ năm 2005 đến năm 2006; 20% từ năm 2007 đến năm 2011 và 25% cho các năm tiếp theo. Tất cả các khoản miễn và giảm thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác mà các khoản thu nhập này chịu thuế suất là 25%.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				
Tiền gửi ngắn hạn và tiền gửi thanh toán	38.280.552.567	50.906.183.511	649.664.841	2.382.560.686
Thu nhập lãi từ tiền gửi	5.728.000	11.887.607	-	-
Hợp đồng môi giới chứng khoán	-	5.000.000.000	-	2.000.000.000
Chi phí lãi cho các hợp đồng môi giới chứng khoán	-	1.548.611	-	-
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198				
Chi phí thuê văn phòng	5.138.974	10.050.665	-	-
Công ty liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank				
Hợp đồng ủy thác đầu tư	-	-	106.080.000	106.080.000
Phải thu từ hợp đồng ủy thác đầu tư	-	-	822.746	913.068
Phí liên quan đến hợp đồng ủy thác đầu tư	90.322	90.043	90.322	9.677

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

24. Biến động các khoản phải thu

Loại hình	Số đầu kỳ		Biến động trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Tổng VND'000	Số khó đòi VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Tổng VND'000	Số dự phòng đã lập VND'000
1. Phải thu khách hàng	1.699.148	-	4.776.500	(5.927.499)	548.149	-
2. Trả trước cho người bán	608.656	-	714.018	(376.000)	946.674	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	11.533.813	-	1.753.913.670	(1.721.969.897)	43.477.586	-
4. Các khoản phải thu khác	27.455.613	-	1.685.358.968	(1.696.705.139)	16.109.442	-
	41.297.230	-	3.444.763.156	(3.424.978.535)	61.081.851	-

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

25. Thuyết minh công cụ tài chính theo quy định của Thông tư 210

(a) Thuyết minh về tài sản đảm bảo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, không có tài sản nào được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản nợ phải trả và các khoản nợ tiềm tàng của Công ty.

(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để người sử dụng báo cáo tài chính có thể so sánh giá trị hợp lý với giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của chứng khoán đã niêm yết dựa trên giá niêm yết trên thị trường như sau:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
Các khoản đầu tư ngắn hạn				
Cổ phiếu niêm yết	201.160	248.849	3.596.282	3.655.945

Ngoại trừ các cổ phiếu niêm yết, Công ty không xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả để thuyết minh dựa theo Điều 28 của Thông tư số 210 bởi vì (i) giá niêm yết của tài sản tài chính hay nợ tài chính phải trả không có thông tin trên thị trường; và (ii) các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết không có thông tin trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính có thể khác biệt với giá trị ghi sổ.

(c) Thuyết minh về rủi ro

Rủi ro luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Công ty, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Công ty và mỗi cá nhân trong Công ty có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Công ty đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(i) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác của một công cụ tài chính không thực hiện đúng các nghĩa vụ ghi trên hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản thế chấp. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa của Công ty không tính đến tài sản đảm bảo như sau:

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	722.940.882	2.653.284.781
Đầu tư ngắn hạn vào các chứng khoán nợ	-	198.000.250
Các khoản cho vay ngắn hạn	22.000.000	-
Phải thu khách hàng	548.149	1.699.148
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	43.477.586	11.533.813
Các khoản phải thu khác	16.109.442	27.455.613
Tài sản ngắn hạn khác	890.780	244.884
Đầu tư dài hạn vào các chứng khoán nợ	298.932.221	58.152.002
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	17.903.425	16.854.314
Tài sản dài hạn khác	2.839.382	3.361.475
	1.125.641.867	2.970.586.280

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Phân tích tình hình tài sản đảm bảo của các tài sản tài chính không quá hạn hoặc bị tổn thất như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	Có tài sản đảm bảo VND'000	Không có tài sản đảm bảo VND'000	Tổng VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	722.940.882	722.940.882
Đầu tư ngắn hạn vào các chứng khoán nợ	22.000.000	-	22.000.000
Phải thu khách hàng	-	548.149	548.149
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	43.477.586	-	43.477.585
Các khoản phải thu khác	-	16.109.442	16.109.442
Tài sản ngắn hạn khác	-	890.780	890.780
Đầu tư dài hạn vào các chứng khoán nợ	-	298.932.221	298.932.221
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	17.903.425	17.903.425
Tài sản dài hạn khác	-	2.839.382	2.839.382
	65.477.586	1.060.164.281	1.125.641.867

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	Có tài sản đảm bảo VND'000	Không có tài sản đảm bảo VND'000	Tổng VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	2.653.284.781	2.653.284.781
Đầu tư ngắn hạn vào các chứng khoán nợ	-	198.800.250	198.800.250
Phải thu khách hàng	-	1.699.148	1.699.148
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	11.533.813	-	11.533.813
Các khoản phải thu khác	-	27.455.613	27.455.613
Tài sản ngắn hạn khác	-	244.884	244.884
Đầu tư dài hạn vào các chứng khoán nợ	-	58.152.002	58.152.002
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	16.854.314	16.854.314
Tài sản dài hạn khác	-	3.361.475	3.361.475
	11.533.813	2.959.052.467	2.970.586.280

(ii) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn, trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Thời gian đáo hạn dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh như sau:

	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền không chiết khấu VND'000	Dưới 1 năm VND'000	Từ 1 đến 5 năm VND'000	Trên 5 năm VND'000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012					
Phải trả người bán	54.684	54.684	54.684	-	-
Người mua trả tiền trước	375.277	375.277	375.277	-	-
Phải trả người lao động	7.708.026	7.708.026	7.708.026	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.146.933	1.146.933	1.146.933	-	-
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	24.421.823	24.421.823	24.421.823	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	426.172.904	426.172.904	426.172.904	-	-
Nợ dài hạn	248.573	248.573	-	248.573	-
	460.128.220	460.128.220	459.879.647	248.573	-

	Giá trị ghi sổ VND'000	Dòng tiền không chiết khấu VND'000	Dưới 1 năm VND'000	Từ 1 đến 5 năm VND'000	Trên 5 năm VND'000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Phải trả người bán	117.560	117.560	117.560	-	-
Người mua trả tiền trước	315.000	315.000	315.000	-	-
Phải trả người lao động	12.459.055	12.459.055	12.459.055	-	-
Chi phí phải trả	56.856	56.856	56.856	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	905.070	905.070	905.070	-	-
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	12.998.502	12.998.502	12.998.502	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.322.062.594	2.322.062.594	2.322.062.594	-	-
Nợ dài hạn	284.610	284.610	-	284.610	-
	2.349.199.247	2.349.199.247	2.348.914.637	284.610	-

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(iii) *Rủi ro thị trường*

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, rủi ro tiền tệ của Công ty không trọng yếu vì Công ty không có các trạng thái trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Chi tiết lãi suất của các công cụ tài chính có phát sinh lãi của Công ty như sau:

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Công cụ có lãi suất cố định		
<i>Tài sản tài chính – lãi suất cố định</i>		
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền và các khoản tương đương tiền	722.940.882	2.653.284.781
Đầu tư ngắn hạn		
Chứng khoán thương mại (trái phiếu)	-	198.000.250
Các khoản cho vay ngắn hạn	22.000.000	-
Các khoản phải thu		
Cho vay giao dịch ký quỹ	27.809.683	-
Chứng khoán đầu tư dài hạn		
Chứng khoán sẵn sàng để bán (trái phiếu)	298.857.998	58.077.779
Chứng khoán nắm giữ tới ngày đáo hạn (trái phiếu)	74.223	74.223
	1.071.682.786	2.909.437.033

Công ty không phân tích biến động của lãi suất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 vì các công cụ tài chính có phát sinh lãi đều có lãi suất cố định.

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán vốn

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn của Công ty.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 248 triệu VND (31/12/2011: 3.655 triệu VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 20% tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận trước thuế trong kỳ/năm của Công ty sẽ giảm hoặc tăng tương ứng 50 triệu VND (31/12/2011: 731 triệu VND).



Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

27. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Kết quả hoạt động của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

(a) Thưởng cho nhân viên

Công ty chưa ghi nhận các khoản tiền thưởng cuối năm vì khoản tiền thưởng này không thể ước tính một cách đáng tin cậy tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(b) Thuế

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 25% đối với lợi nhuận trước thuế giữa niên độ.

(c) Quỹ dự trữ pháp định

Công ty được yêu cầu trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính hàng năm. Công ty chưa trích lập các quỹ dự trữ pháp định này cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 vì Công ty sẽ trích lập các quỹ dự trữ pháp định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(d) Cổ tức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chưa công bố chia cổ tức. Kế hoạch công bố cổ tức, nếu có, sẽ được thông báo vào nửa cuối năm sau.

Người lập:



Lê Thu Hiền
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thị Bích Tuyên
Kế toán trưởng



Lê Việt Hà
Phó Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2012

